

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Truyện

Ông Nguyễn Tuấn Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 29/3/2024 và ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị D, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Ấp Cai Đ, xã C, huyện V, Bạc Liêu.

Bị đơn: Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị D trình bày: Anh T và chị tự nguyện yêu nhau, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, Đồng Tháp vào ngày 12/5/2009. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với

nhau cũng hạnh phúc. Nhưng cuối năm 2010, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, anh T và chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau như trước, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

- Về quan hệ nuôi con: Có một con chung tên Huỳnh Thị Thúy N, sinh ngày 27/8/2008. Từ năm 2011 đến nay, cháu Thúy N sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị D đồng ý giao Thúy Nga cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, có nhiều chị cho nhiều, có ít cho ít, chị không cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh T: Được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, phiên tòa và vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Huỳnh Thanh T có địa chỉ tại ấp M, xã M, huyện Tháp Mười nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Huỳnh Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh Huỳnh Thanh T vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ vào các Điều

227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị D và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị D, anh T không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên đề mâu thuẫn xảy ra dẫn đến cãi vã, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Việc anh T và chị D đã ly thân từ năm 2011 đến nay cho thấy quá trình mâu thuẫn kéo dài nhưng anh T và chị D không có giải pháp tích cực để hạn chế mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn anh Huỳnh Thanh T tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Huỳnh Thanh T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến gì về việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T. Điều này thể hiện tinh thần thiếu trách nhiệm của anh T đối với hôn nhân của mình, anh T không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Thanh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ nuôi con: Theo lời trình bày của chị D là có một con chung tên Huỳnh Thị Thúy N, sinh ngày 27/8/2008. Từ năm 2011 đến nay, cháu Thúy Nga sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị D đồng ý giao Thúy Nga cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, có nhiều chị cho nhiều, có ít cho ít, chị không cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị D và cũng phù hợp với điều kiện thực tế, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi chị D và anh T ly thân năm 2011 đến nay, bé Thúy N vẫn đang sống cùng anh T tại ấp M, xã M, huyện Tháp Mười. Điều này cho thấy, dưới sự chăm sóc của anh T

thì bé Thúy N cũng đã có một môi trường sống ổn định và phát triển tốt. Ngoài ra, sau khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án Huyện, anh Huỳnh Thanh T đã không gửi văn bản ý kiến gì cho Tòa án về việc chị D đồng ý giao con chung cho anh nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử cũng không đặt vấn đề xem xét. Nếu sau này, anh T có yêu cầu chị Võ Thị D cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị D là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Thanh T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị D là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Thanh T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002546 ngày 10/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Võ Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị D. Cho chị Võ Thị D và anh Huỳnh Thanh T ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Anh Huỳnh Thanh T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Thúy N, sinh ngày 27/8/2008. Anh Huỳnh Thanh T không có văn bản hoặc ý kiến yêu cầu chị Võ Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị D, anh Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Võ Thị D được quyền thăm con, mà không ai cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Võ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002546 ngày 10/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Võ Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Vững - Nguyễn Văn Ánh

Nguyễn Thị Ngọc Diệu

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu